

Số: 08/2024/QĐST - HNGĐ

TP. Hưng Yên, ngày 19 tháng 01 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 175/2023/TLST - HNGĐ ngày 21 tháng 12 năm 2023, giữa:

1. Nguyên đơn: Anh Mai Hữu G, sinh năm: 1991;

Nơi cư trú: Thôn C, xã B, thành phố H, tỉnh Hưng Yên.

2. Bị đơn: Chị Nguyễn Phương Oanh A, sinh năm: 1998;

Nơi cư trú: Thôn C, xã B, thành phố H, tỉnh Hưng Yên.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Cháu Mai Anh K, sinh ngày 06/02/2018

+ Mai Tiến T, sinh ngày 22/01/2021

Nơi cư trú: Thôn C, xã B, thành phố H, tỉnh Hưng Yên.

Người đại diện hợp pháp cho cháu K và cháu T là anh G và chị A là bố, mẹ đẻ của các cháu.

Căn cứ vào các Điều 212, 213, khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 58; 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 11 tháng 01 năm 2024.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 11 tháng 01 năm 2024 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Mai Hữu G và chị Nguyễn Phương Oanh A.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Mai Hữu G và chị Nguyễn Phương O Anh thống nhất thuận tình ly hôn.

Về con chung: Anh G và chị A có 02 con chung là cháu Mai Anh K, sinh ngày 06/02/2018 và Mai Tiến T, sinh ngày 22/01/2021. Ly hôn anh G, chị A thống nhất, thoả thuận giao cả 02 con chung là cháu K và cháu T cho anh G trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi và có khả năng lao động. Vợ chồng anh G, chị A thống nhất chị A không phải cấp dưỡng nuôi con. Chị A có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

Vì quyền lợi của con chung chị A có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung. Yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung; yêu cầu hạn chế quyền thăm nom, chăm sóc con chung sau khi ly hôn.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh Mai Hữu G và chị Nguyễn Phương O Anh không yêu cầu giải quyết.

Về án phí: Anh Mai Hữu G và chị Nguyễn Phương O Anh thống nhất thoả thuận anh Mai Hữu G tự nguyện nhận chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm ly hôn là 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh Mai Hữu G đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000306 ngày 21/12/2023 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Hưng Yên. Hoàn trả lại cho anh G số tiền 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) tạm ứng án phí còn lại.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên;
- Viện KSND thành phố Hưng Yên;
- Chi cục THA dân sự thành phố Hưng Yên;
- UBND xã Bảo Khê, thành phố Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên (ĐKKH số 42/2016 ngày 06/11/2016);
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

THẨM PHÁN

Nguyễn Đăng Khuê